

Bản án số: 38/2025/HNGĐ - ST
Ngày 07 /5 /2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Tuyết
- Bà Nguyễn Thị Hương Linh

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
tham gia phiên tòa: ông Phạm Nam Hưng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử số II Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 283/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐST- DS ngày 18/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Vũ Tiến C, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 34, khu 3, phường C X, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh

Chỗ ở hiện nay: tổ 7, khu 8, phường C X, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: chị Phan Thị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ 34, khu 3, phường C X, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh

Chỗ ở hiện nay: tổ 7, khu 8, phường C X, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh – vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2024, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Vũ Tiến C khai:

+ Về quan hệ hôn nhân: anh C và chị Phan Thị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/12/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu là 02 năm, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ 4, khu 1, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, đến năm 2013 thì chuyển về sinh sống tại khu 3, phường C X, thành phố H L, cuộc sống hôn nhân diễn ra bình thường, đến năm

2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm trong cách sống. Hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, hòa giải nhưng không có kết quả, từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, mỗi người gần như đều có cuộc sống riêng của mình. Đến nay xét thấy mâu thuẫn thực sự sâu sắc, cuộc sống chung của vợ, chồng không thể tiếp tục kéo dài, tình cảm không còn, anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Phan Thị T.

- Về con chung: anh C, chị T có 02 con chung là Vũ Hồng N, sinh ngày 23/12/2004 và Vũ Phan Tuấn K, sinh ngày 05/12/2009. Đối với con chung Vũ Hồng N hiện đã thành niên, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần, vì vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn khởi kiện, anh C yêu cầu giao con chung Vũ Phan Tuấn K cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, anh C thay đổi yêu cầu, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Vũ Phan Tuấn K cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung: anh C yêu cầu được tự thỏa thuận chia tài sản chung với chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

* Tại biên bản xác minh ngày 18/3/2025, có sự tham gia của lãnh đạo tổ 7, khu 8, phường C X, thành phố H L có nội dung:

Anh C và chị T chuyển đến sinh sống tại tổ 7, khu 8, phường C X, thành phố H L từ năm 2016 và hiện tại đang sinh sống tại đây, về mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn nội bộ giữa hai vợ chồng, tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài, tổ dân phố cũng nghe nói đã kéo dài khoảng 04 năm nay, lãnh đạo tổ dân phố cũng đã động viên vợ chồng nhưng không có kết quả. Vì vậy, tổ dân khu phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh C, chị T có 02 con chung là Vũ Hồng N và Vũ Phan Tuấn K, cháu N thì đã thành niên, còn cháu K thì lúc bố chăm, lúc mẹ chăm, tổ dân khu phố đề nghị Tòa án căn cứ vào yêu cầu của các bên và nguyện vọng của con để giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn về việc anh C, chị T có tài sản chung hay vay nợ chung hay không, tổ dân khu phố không nắm được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Phan Thị Thu đến Tòa án làm việc, nhưng chị Thu không chấp hành theo nội dung triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn và yêu cầu thay đổi yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: anh Vũ Tiến C là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Phan Thị T, chị T có nơi thường trú tại tổ 7, khu 8, phường C X, thành phố H L, tỉnh Quảng Ninh. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Vũ Tiến C có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Phan Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

- Về yêu cầu thay đổi yêu cầu về nuôi con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Vũ Phan Tuấn K là con chung của anh Ch, chị T, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là ngang nhau, vì vậy, việc thay đổi yêu cầu của anh C không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Tiến C và chị Phan Thị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm. Mâu thuẫn của vợ chồng được chứng minh tại biên bản xác minh ngày 18/3/2025 do Tòa án tiến hành, đã gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ hôn nhân. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T, như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh C, chị T có 02 con chung là Vũ Hồng N, sinh ngày 23/12/2004 và Vũ Phan Tuấn K, sinh ngày 05/12/2009.

Xét yêu cầu của anh C thấy: cháu Vũ Phan Tuấn K hiện đang chung sống cùng anh Ch, chị T, tại đơn trình bày nguyện vọng của mình, cháu có nguyện vọng là sau khi bố mẹ ly hôn, cháu muốn được bố cháu (anh C) là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bản thân anh C có công việc làm và thu nhập, chỗ ở ổn định, có sự xác nhận của Công ty Cổ phần vận tải thủy VINACOMIN, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, đảm bảo cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con chung. Vì vậy, có căn cứ để giao con chung cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là quyết định cá nhân của đương sự, vì vậy không đề cập.

[4] Về tài sản chung: anh C yêu cầu được tự thỏa thuận chia tài sản chung với chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xét.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Vũ Tiến C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu thay đổi yêu cầu về nuôi con chung của anh Vũ Tiến C.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Tiến C được ly hôn chị Phan Thị T

2. Về con chung: giao con chung Vũ Phan Tuấn K, sinh ngày 05/12/2009, cho anh Vũ Tiến C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Phan Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Anh C cùng các thành viên trong gia đình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự:

Anh Vũ Tiến C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, được trừ đi số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0001429 ngày 20/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, anh C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: anh Vũ Tiến C, chị Phan Thị T **có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hạ Long
- CCTHADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- UBND phường Hà Trung, TP Hạ Long
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Hồng Ninh